

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠC QUANG TRUNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MẠC QUANG TRUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAC QUANG TRUNG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MẠC QUANG TRUNG ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109101380

**3. Ngày thành lập:** 27/02/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 99 đường Phố Huyện, Thị Trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989556556

Fax:

Email: [macquangtrung.jsc@gmail.com](mailto:macquangtrung.jsc@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                   | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                             | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                       | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                        | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                            | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                 | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                  | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                   | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                            | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                     | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                               | 4293     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí               | 4322     |
| 13. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                         | 4512     |
| 14. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7990     |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                    | 5610     |
| 16. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng            | 5621     |
| 17. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                | 5629     |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                             | 5630     |

|     |                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản | 4620        |
| 20. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                   | 4631        |
| 21. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                    | 1080        |
| 22. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                      | 0322        |
| 23. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                          | 1020        |
| 24. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                  | 1040        |
| 25. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                   | 3811        |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                | 4669        |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                                                                           | 4311        |
| 28. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                              | 4542        |
| 29. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                               | 4632        |
| 30. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                 | 4633        |
| 31. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                              | 4651        |
| 32. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                        | 6190        |
| 33. | Quảng cáo                                                                                                                                                        | 7310        |
| 34. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                         | 7320        |
| 35. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                           | 7710        |
| 36. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                   | 4330        |
| 37. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                              | 4511        |
| 38. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                   | 4520        |
| 39. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                  | 4659        |
| 40. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                              | 4662        |
| 41. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                          | 4663(Chính) |
| 42. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4721        |
| 43. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                 | 4722        |
| 44. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4761        |
| 45. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                              | 4931        |
| 46. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                              | 5229        |
| 47. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                          | 8299        |
| 48. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                               | 4649        |
| 49. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                     | 4661        |
| 50. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                | 4312        |
| 51. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                   | 4329        |
| 52. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                         | 7020        |

6. **Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM THỊ TỐ QUYÊN | Phố Huyện, Thị Trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    | 112375508                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN HỮU THÀNH  | Phố Huyện, Thị Trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 500.000    | 5.000.000.000         | 50,000    | 112280727                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 500.000    | 5.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                        |                           |         |               |        |                  |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | TẠ QUANG CƯỜNG | Ngô Sài, Thị Trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 850.000 | 8.500.000.000 | 85,000 | 0010870044<br>77 |
|   |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                        | Tổng số                   | 850.000 | 8.500.000.000 | 85,000 |                  |
|   |                |                                                                        |                           |         |               |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TẠ QUANG CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 13/02/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087004477

Ngày cấp: 14/01/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQK cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ngô Sài, Thị Trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ngô Sài, Thị Trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội